

CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN
MST: 2000503134

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/CBTT- Cty

Tam Giang Tây, ngày 29 tháng 3 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

I. Giới thiệu về tổ chức công bố thông tin

Tên tổ chức: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiền

Mã số doanh nghiệp: 2000503134

Địa chỉ: Ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiền, tỉnh Cà Mau.

Điện thoại: 0290.221.4218

Website: <http://www.congtylamnghiepngochien.com>

II. Nội dung công bố thông tin

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiền công bố thông tin Báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt.

Kèm theo các tài liệu:

Báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiền.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Lưu Cẩm Hùng

**CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN
LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN**

**Báo cáo tài chính đã kiểm toán
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022**

MỤC LỤC

Trang

01. Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty	1 - 3
02. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
03. Bảng cân đối kế toán	6 - 9
04. Báo cáo kết quả kinh doanh	10
05. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
06. Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 32



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

Ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty hân hạnh trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty TNHH Một thành viên Lâm Nghiệp Ngọc Hiển (dưới đây gọi tắt là Công ty) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022.

1. Khái quát về Công ty

Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ngọc Hiển được chuyển đổi từ Lâm nghiệp Ngọc Hiển, theo quyết định số 308/QĐ-UBND do Chủ tịch Ủy Ban Nhân dân tỉnh Cà Mau ký ngày 23 tháng 02 năm 2010 và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000503134 ngày 20 tháng 09 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 21 tháng 05 năm 2021 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Cà Mau cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022 là: 30.000.000.000 đồng.

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000503134 ngày 20 tháng 09 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 21 tháng 05 năm 2021 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Cà Mau cấp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Trồng, quản lý, bảo vệ, phát triển rừng;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác, chế biến lâm sản;
- Sản xuất và kinh doanh giống cây lâm nghiệp;
- Khai thác thủy sản nội địa, nuôi trồng thủy sản kết hợp trên lâm phần;
- Kinh doanh dịch vụ phục vụ sản xuất nông, lâm, thủy sản và các dịch vụ khác.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm các hoạt động sau:

- Trồng, quản lý, bảo vệ, phát triển rừng;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác, chế biến lâm sản;
- Sản xuất và kinh doanh giống cây lâm nghiệp;
- Khai thác thủy sản nội địa, nuôi trồng thủy sản kết hợp trên lâm phần;
- Chế biến than được.

4. Chủ tịch Công ty

Chủ tịch Công ty đương nhiệm trong và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ tên

- Ông Lưu Tấn Hùng

Chức vụ

Phụ trách quản lý, điều hành từ ngày 25/08/2021

5. Kiểm soát viên

Kiểm soát viên Công ty đương nhiệm trong và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên

- Ông Võ Công Đoàn

Chức vụ

Kiểm soát viên



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

Ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

6. Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty đương nhiệm trong và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ tên

- Ông Lưu Tấn Hùng

- Ông Tống Xuân Phong

- Ông Đinh Văn Điền

Chức vụ

Phó Giám đốc, phụ trách quản lý, điều hành từ ngày 25/08/2021

Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đương nhiệm trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ tên

- Ông Lưu Tấn Hùng

Chức vụ

Phó Giám đốc, phụ trách quản lý, điều hành từ ngày 25/08/2021

7. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được trình bày trong báo cáo tài chính từ trang 6 đến trang 32.

Công ty được miễn thuế TNDN cho thu nhập từ trồng rừng (Doanh thu bán lâm sản), thu nhập từ nuôi trồng thủy sản (do Công ty tự nuôi, hoạt động liên kết liên doanh) theo Công văn số 838/CT-TT- HTNNT ngày 31/05/2018 của Cục Thuế Tỉnh Cà Mau.

Lợi nhuận từ các hoạt động còn lại áp dụng thuế suất 20%.

8. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không có

9. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán:

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong năm kể từ ngày kết thúc niên độ tài chính cho đến ngày lập bản báo cáo này cần phải điều chỉnh số liệu hoặc khai báo trên báo cáo tài chính.

10. Kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 của Công ty.

11. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;

Ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc phê duyệt các Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc vào cùng ngày, được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính..

Thay mặt Ban

3



Số: 12.22/2023/BCKT/SV-CN1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Chủ tịch và Ban Giám đốc**
Công ty TNHH Một thành viên Lâm Nghiệp Ngọc Hiền

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Lâm Nghiệp Ngọc Hiền ("Công ty"), được lập ngày 20 tháng 03 năm 2023, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH TP.HCM

366/7A Chu Văn An, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Tel : (84-028) 3553 3730 - 3553 3731 * Fax : (84-028) 3553 3732
Email : saoviet1011@vnn.vn

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH CẦN THƠ

Lô 66, Đường số 11, Khu dân cư công ty Cổ phần xây dựng TP.Cần Thơ,
P.Hưng Thạnh, Q.Cái Răng, TP.Cần Thơ
Tel : (0292) 3765 999 * Fax: (0292) 3765 766 * Email : svc-ct@vnn.vn

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Trong năm 2022, Công ty tạm phân phối từ lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng và phúc lợi số tiền là 1.538.313.654 đồng. Công ty sẽ phân phối lại lợi nhuận năm 2022 ngay sau khi nhận được quyết định phê duyệt phân phối lợi nhuận năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn: "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Lâm Nghiệp Ngọc Hiến tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Quang Nhơn
Phó Giám Đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0325-2023-107-1

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

Cần Thơ, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Trần Phương Yến
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3601-2021-107-1

150-0
NHÂN
TY TN
A TOÁN
O VIỆ
G-TP. C

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN

Ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		35.060.287.199	35.936.337.965
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	26.266.193.179	26.015.416.011
1. Tiền	111		3.760.332.905	3.492.742.173
2. Các khoản tương đương tiền	112		22.505.860.274	22.522.673.838
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	3.000.000.000	3.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.000.000.000	3.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.518.173.694	4.270.233.863
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.355.692.948	3.139.618.717
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	798.500.000	873.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	561.310.746	454.945.146
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(197.330.000)	(197.330.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	3.112.737.218	2.256.781.682
1. Hàng tồn kho	141		3.112.737.218	2.256.781.682
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		163.183.108	393.906.409
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	9.628.412	44.394.998
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	153.554.696	349.511.411
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

Ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.874.171.162	3.658.694.971
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.098.316.321	2.513.024.723
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	2.098.316.321	2.513.024.723
<i>Nguyên giá</i>	222		9.765.939.182	9.551.409.716
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(7.667.622.861)	(7.038.384.993)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí SX, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		775.854.841	1.145.670.248
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	775.854.841	1.145.670.248
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		37.934.458.361	39.595.032.936

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN

Ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.894.122.458	5.563.587.729
I. Nợ ngắn hạn	310		2.894.122.458	5.563.587.729
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	963.940.108
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	73.052.107	127.636.007
4. Phải trả người lao động	314	V.12	402.050.088	873.544.685
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	181.483.000	856.600.956
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	329.424.200	822.445.600
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	1.908.113.063	1.919.420.373
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

Ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		35.040.335.903	34.031.445.207
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	34.802.420.514	33.759.161.784
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.744.926.514	3.701.667.784
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		57.494.000	57.494.000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		237.915.389	272.283.423
1. Nguồn kinh phí	431	V.17	77.956.277	112.324.311
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	V.18	159.959.112	159.959.112
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		37.934.458.361	39.595.032.936

**Nguyễn Cảnh Nguyên**
Người lập biểu**Đinh Văn Điền**
Kế toán trưởng
Lưu Tấn Hùng

Giám đốc

Lập ngày 20 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN

Ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	47.502.444.813	46.648.442.026
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10		47.502.444.813	46.648.442.026
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	38.607.911.858	37.814.713.495
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20		8.894.532.955	8.833.728.531
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	987.322.619	701.988.793
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	6.187.207.680	5.979.023.955
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.694.647.894	3.556.693.369
11. Thu nhập khác	31		-	270.002
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	270.002
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.694.647.894	3.556.963.371
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.11	217.118.795	174.367.685
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.477.529.099	3.382.595.686


Nguyễn Cảnh Nguyên
Người lập biểu
Đinh Văn Điền
Kế toán trưởng
Lưu Tấn Hùng
Giám đốc
Lập ngày 20 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

Ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		46.878.382.036	44.121.720.487
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(17.266.351.519)	(18.587.817.475)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(7.197.509.214)	(6.246.925.847)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(251.017.543)	(237.010.751)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.689.808.263	6.449.492.368
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(24.345.782.003)	(22.209.834.330)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(492.469.980)	3.289.624.452
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(247.734.475)	(293.826.178)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(19.000.000.000)	(7.477.326.162)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		19.057.213.762	4.477.326.162
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		933.767.861	650.067.377
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		743.247.148	(2.643.758.801)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN

Ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		250.777.168	645.865.651
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	26.015.416.011	25.369.550.360
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	26.266.193.179	26.015.416.011

**Nguyễn Cảnh Nguyên**
Người lập biểu**Đinh Văn Điền**
Kế toán trưởng**Lưu Tấn Hùng**
Giám đốc
Lập ngày 20 tháng 03 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ngọc Hiển được chuyển đổi từ Lâm nghiệp Ngọc Hiển, theo quyết định số 308/QĐ-UBND do Chủ tịch Ủy Ban Nhân dân tỉnh Cà Mau ký ngày 23 tháng 02 năm 2010 và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000503134 ngày 20 tháng 09 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 21 tháng 05 năm 2021 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Cà Mau cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng.

Vốn góp của chủ sở hữu thực tế tại ngày 31/12/2022 là: 30.000.000.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực sản xuất sản phẩm lâm nghiệp và kinh doanh các dịch vụ phục vụ du lịch sinh thái rừng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000503134 ngày 20 tháng 09 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 21 tháng 05 năm 2021 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Cà Mau cấp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

Các ngành nghề kinh doanh trong năm của Công ty bao gồm:

- Trồng, quản lý, bảo vệ, phát triển rừng;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác, chế biến lâm sản;
- Sản xuất và kinh doanh giống cây lâm nghiệp;
- Khai thác thủy sản nội địa, nuôi trồng thủy sản kết hợp trên lâm phần;
- Kinh doanh dịch vụ phục vụ sản xuất nông, lâm, thủy sản và các dịch vụ khác.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập bản báo cáo này bao gồm các hoạt động sau.

- Trồng, quản lý, bảo vệ, phát triển rừng;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác, chế biến lâm sản;
- Sản xuất và kinh doanh giống cây lâm nghiệp;
- Khai thác thủy sản nội địa, nuôi trồng thủy sản kết hợp trên lâm phần;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng. Riêng hoạt động trồng và khai thác rừng sẽ tùy thuộc quá trình trồng rừng và thu hoạch sản phẩm trồng rừng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không có

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Trụ sở của Công ty đặt tại ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Công ty không có đơn vị trực thuộc.

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số nhân viên của Công ty là 52 người.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số nhân viên của Công ty là 50 người.

8. Thông tin so sánh

Các số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm 2022.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến luồng tiền).

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính và giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật kế toán số 88/2015/QH13 được Quốc Hội ban hành ngày 20/11/2015 đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, trong đó bao gồm các quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này nên Ban Giám đốc đang xem xét và áp dụng đối với tài sản và nợ phải trả theo nguyên tắc giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị, cá nhân độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào mức tổn thất dự kiến để lập dự phòng.

Tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nêu trên phù hợp với tỷ lệ quy định tại Thông tư số 48/2019/TT – BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài Chính.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất sản phẩm.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của từng mặt hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng các tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được phân bổ dần hoặc ghi nhận hết vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định hữu hình như

Loại TSCĐ

- Nhà cửa, vật kiến trúc
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn
- Thiết bị, dụng cụ quản lý
- TSCĐ khác

Thời gian khấu hao ước tính

3-17 năm
4-10 năm
3-5 năm
3-10 năm

8. Chi phí trả trước

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ dụng cụ

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tối đa không quá 3 năm.

9. Nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

10. Chi phí tiền lương

Trong năm 2022, Công ty tạm trích quỹ lương viên chức quản lý căn cứ theo Quyết định số 1197/QĐ-UBND ngày 20/04/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau và quỹ lương cán bộ, công nhân viên căn cứ vào Công văn số 2213/UBND – KT ngày 20/04/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

Công ty sẽ quyết toán quỹ lương thực tế thực hiện khi kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2022.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty được hình thành do Ngân sách cấp. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty được dùng cho việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất kinh doanh và mua sắm tài sản cố định để đổi mới công nghệ.

12. Phân phối lợi nhuận

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ.

13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi được ghi nhận theo nguyên tắc dự thu dựa trên thời gian và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

14. Chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc phù hợp, thận trọng và bảo toàn vốn, không phân biệt đã chi tiền hay chưa chi tiền. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực và hợp lý.

15. Chi phí thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Thu nhập từ trồng rừng (doanh thu bán lâm sản); nuôi trồng thủy sản (do Công ty tự nuôi, hoạt động liên kết liên doanh của Công ty) là thu nhập miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Các khoản thu nhập từ cho thuê mặt bằng, thu nhập từ chứng nhận tôm sinh thái, thu nhập từ hoạt động tài chính, thu nhập khác là các khoản thu nhập chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% theo Công văn số 838/CT-TTHTNNT ngày 31/05/2018 của Cục thuế tỉnh Cà Mau.

Lợi nhuận từ các hoạt động còn lại áp dụng thuế suất 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

** Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc*

** Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:*

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	1.064.977.592	838.665.823
Tiền gửi ngân hàng	2.695.355.313 (a)	2.654.076.350
Các khoản tương đương tiền	22.505.860.274 (b)	22.522.673.838
Cộng	26.266.193.179	26.015.416.011

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng	2.695.355.313	2.654.076.350
Cộng	2.695.355.313	2.654.076.350

(b) Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền gửi VND có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại	22.505.860.274	22.522.673.838
Cộng	22.505.860.274	22.522.673.838

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá ghi sổ	Giá gốc	Giá ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000

3. Phải thu ngắn hạn khách hàng

Khách hàng	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự Phòng	Giá trị	Dự Phòng
- Công ty CP CBTS&XNK Camimex	915.345.942		842.214.840	-
- Cty TNHH MB Lâm Sản Phương An	-	-	727.228.047	-
- Chi cục Kiểm Lâm Tỉnh Cà Mau	45.112.100	-	361.144.250	-
- Ông Nguyễn Tấn Vĩnh	94.000.000	94.000.000	94.000.000	94.000.000
- Ông Nguyễn Văn Hùng	27.350.000	-	27.350.000	-
- Ông Trần Văn Nguyên	18.000.000	-	18.000.000	-
- Ông Lê Thanh Bình	12.500.000	-	15.100.000	-
- Ông Võ Thanh Liêm	100.000.000	-	-	-
- Các khách hàng khác	143.384.906	-	203.765.720	-
Cộng	1.355.692.948	94.000.000	3.139.618.717	94.000.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

Ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị trình bày: VND

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Người bán	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự Phòng	Giá trị	Dự Phòng
- Công ty TNHH Khai thác & CB Lâm sản Lê Văn Trường (*)	514.000.000	-	514.000.000	-
- Công ty TNHH XDTM & DV Nam Hà	107.000.000	-	107.000.000	-
- Ông Trần Ngọc Bé	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000
- TT Thông tin TM & MT Cà Mau	-	-	63.000.000	-
- Cty CPTV & Thảm Định Đông Nam	48.000.000	-	48.000.000	-
- Ông Phạm Thanh Bình	-	-	10.000.000	-
- Các nhà cung cấp khác	39.500.000	-	41.000.000	608.583
Cộng	798.500.000	90.000.000	873.000.000	90.608.583

(*) Ngày 01/11/2022, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển đã có đơn yêu cầu thi hành án theo bản án số 03/2022/KDTM-PT ngày 23/9/2022 đối với Công ty TNHH khai thác Lâm sản Lê Văn Trường về khoản nợ nêu trên và đến ngày 31/12/2022, Công ty vẫn chưa thu hồi được số tiền này.

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự Phòng	Giá trị	Dự Phòng
Phải thu khác	124.050.796	13.330.000	104.454.646	13.330.000
- Phải thu tiền thiết kế trồng rừng	64.804.600	-	64.804.600	-
- Ông Phạm Công Thức	13.330.000	13.330.000	13.330.000	13.330.000
- Dự thu lãi tiền gửi Ngân hàng	45.916.196	-	26.320.046	-
Tạm ứng	357.624.500	-	309.424.500	-
Nhận ký quỹ, ký cược	79.635.450	-	41.066.000	-
- Đinh Văn Điền (án phí sơ thẩm)	-	-	12.280.000	-
- Chi Cục Kiểm Lâm Cà Mau	55.637.700	-	28.786.000	-
Cộng	561.310.746	13.330.000	454.945.146	13.330.000

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**Chi tiết số dư nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2021 như sau:**

Khoản mục	Nợ khó đòi	Đã lập dự phòng	Chưa lập dự phòng
- Phải thu ngắn hạn khách hàng	601.022.092	94.000.000	507.022.092
- Trả trước cho người bán	90.000.000	90.000.000	-
- Phải thu ngắn hạn khác	13.330.000	13.330.000	-
Cộng	704.352.092	197.330.000	507.022.092

Chi tiết số dư nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2022 như sau:

Khoản mục	Nợ khó đòi	Đã lập dự phòng	Chưa lập dự phòng
- Phải thu ngắn hạn khách hàng	94.000.000	94.000.000	-
- Trả trước cho người bán	90.000.000	90.000.000	-
- Phải thu ngắn hạn khác	13.330.000	13.330.000	-
Cộng	197.330.000	197.330.000	-

Nợ khó đòi nêu trên đã được trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài Chính.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số đầu năm	197.330.000	197.938.583
- Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
- Hoàn nhập dự phòng	-	(608.583)
- Số cuối năm	197.330.000	197.330.000

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.112.737.218 (c)	2.256.781.682
Cộng giá gốc hàng tồn kho	3.112.737.218	2.256.781.682
Giá trị thuần có thể thực hiện được	3.112.737.218	2.256.781.682

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: Không có
- Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất: không có
- Giá trị ghi sổ hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm cho các khoản nợ phải trả: không có
- Lý do dẫn đến việc trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có.

(c) Chi tiết số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí chăm sóc rừng trồng	711.513.117	711.513.117
- Chi phí trồng rừng sau khai thác năm 2020	409.238.130	409.238.130
- Chi phí trồng rừng sau khai thác năm 2019	362.571.990	362.571.990
- Chi phí chăm sóc rừng năm 2021	299.760.346	299.760.346
- Chi phí trồng rừng sau khai thác năm 2018	292.414.136	292.414.136
- Chi phí trồng rừng năm 2021	150.802.133	150.802.133
- Chi phí dự án 161 quốc doanh	20.838.000	20.838.000
- Chi phí chăm sóc rừng trồng khu vực Ngọc Hiển	9.643.830	9.643.830
- Chi phí trồng; chăm sóc rừng năm 2022	768.955.536	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh thủy sản - vuông tôm	87.000.000	-
Cộng	3.112.737.218	2.256.781.682

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	9.628.412	44.394.998
Cộng	9.628.412	44.394.998

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN

Ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

9. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>PT vận tải, thiết bị truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị quản lý</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Cộng</i>
Nguyên giá						
Số đầu năm	6.797.858.655	-	1.186.649.818	104.153.637	1.462.747.606	9.551.409.716
Tăng trong năm/kỳ	214.529.466	-	-	-	-	214.529.466
Mua sắm mới	214.529.466	-	-	-	-	214.529.466
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tăng khác (ghi cụ thể)	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm/kỳ	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác (ghi cụ thể)	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm/kỳ	7.012.388.121	-	1.186.649.818	104.153.637	1.462.747.606	9.765.939.182
Hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	5.176.410.976	-	770.142.631	104.153.637	987.677.749	7.038.384.993
Tăng trong năm/kỳ	360.904.530	-	138.283.638	-	130.049.700	629.237.868
Khấu hao trong năm/kỳ	360.904.530	-	138.283.638	-	130.049.700	629.237.868
Tăng khác (ghi cụ thể)	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm/kỳ	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác (ghi cụ thể)	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm/kỳ	5.537.315.506	-	908.426.269	104.153.637	1.117.727.449	7.667.622.861
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.621.447.679	-	416.507.187	-	475.069.857	2.513.024.723
Số cuối năm/kỳ	1.475.072.615	-	278.223.549	-	345.020.157	2.098.316.321

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp các khoản vay: không có
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 4.238.499.988
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: Không có
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: không có.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN

Ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị trình bày: VND

10. Chi phí trả trước dài hạn

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí thuê cải tạo vuông tôm	222.172.448	350.341.237
Chi phí công cụ dụng cụ	105.162.527	219.885.299
Chi phí xây dựng phương án quản lý rừng bền vững	448.519.866	575.443.712
Cộng	775.854.841	1.145.670.248

11. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế GTGT phải nộp	46.013.064	262.966.250	273.046.002	35.933.312
Thuế thu nhập DN	71.017.543	217.118.795	251.017.543	37.118.795
Thuế thu nhập cá nhân	10.605.400	121.930.609	132.536.009	-
Thuế tài nguyên	(6.571.919)	-	-	(6.571.919)
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Các loại thuế khác	(2.100.000)	8.216.920	8.216.920	(2.100.000)
Phải nộp NSNN	(340.839.492)	895.956.715	700.000.000	(144.882.777)
Cộng	(221.875.404)	1.510.189.289	1.368.816.474	(80.502.589)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế. Do vậy, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 có thể sẽ thay đổi khi có quyết toán của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành, cụ thể như sau:

- | | |
|--|-----------------|
| - Doanh thu lâm sản, thủy sản, cây giống | Không chịu thuế |
| - Doanh thu dịch vụ khác | 10% |

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được miễn thuế TNDN cho lợi nhuận thu được từ trồng rừng (doanh thu bán lâm sản); nuôi trồng thủy sản (do Công ty tự nuôi, hoạt động liên kết liên doanh của Công ty) theo Công văn số 838/CT-TTHTNNT ngày 31/05/2018 của Cục thuế tỉnh Cà Mau.

Lợi nhuận từ các hoạt động còn lại áp dụng thuế suất 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị trình bày: VND

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được tính như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.694.647.894	3.556.963.371
- Các khoản điều chỉnh tăng	174.828.276	54.211.476
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	3.869.476.170	3.611.174.847
Thu nhập được miễn thuế	2.783.882.195	2.739.336.422
Thu nhập tính thuế	1.085.593.975	871.838.425
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	217.118.795	174.367.685
Thuế TNDN được giảm	-	-
Tổng thuế TNDN phải nộp	217.118.795	174.367.685

Tiền thuê đất, thuế đất

Công ty được miễn tiền thuê sử dụng đất nông nghiệp theo Nghị Quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/06/2020 của Quốc Hội về việc kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đến hết ngày 31/12/2025.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền lương phải trả Người quản lý	239.029.080	272.660.910
- Tiền lương phải trả CBCNV	163.021.008	600.883.775
Cộng	402.050.088	873.544.685

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí vật tư, nhân công, ăn chia lâm sản	111.483.000	779.600.956
- Chi phí phải trả khác	70.000.000	77.000.000
Cộng	181.483.000	856.600.956

14. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	415.663.000
+ Công ty TNHH TM&DV Thịnh Phúc	-	208.916.000
+ Công ty TNHH MTV Trần Thường	-	206.747.000
- Phải trả, phải nộp khác	329.424.200	406.782.600
+ Chi phí thiết kế trồng rừng các tiểu khu	329.424.200	406.782.600
Cộng	329.424.200	822.445.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị trình bày: VND

15. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Quỹ khen thưởng của CBCNV	1.237.790.097	1.189.311.440
- Quỹ khen thưởng của Ban điều hành	170.357.148	163.589.980
- Quỹ phúc lợi	499.965.818	566.518.953
Cộng	1.908.113.063	1.919.420.373

Các Quỹ khen thưởng phúc lợi được Công ty trích lập theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ – CP ngày 13/10/2015 của Chính Phủ. Năm 2022, Công ty tạm phân phối từ lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng và phúc lợi số tiền 1.538.313.654 đồng. Công ty sẽ phân phối lại lợi nhuận năm 2022 ngay sau khi nhận được quyết định phê duyệt phân phối lợi nhuận năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

Chi tiết phát sinh các Quỹ như sau:**Quỹ khen thưởng của CBCNV**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Số đầu kỳ	1.189.311.440	644.154.538
- Tăng do trích lập trong kỳ	932.842.436	994.517.163
- Chi quỹ trong kỳ	884.363.779	449.360.261
Tồn quỹ cuối kỳ	1.237.790.097	1.189.311.440

Quỹ khen thưởng của Người quản lý

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Số đầu kỳ	163.589.980	196.190.075
- Tăng do trích lập trong kỳ	139.050.000	143.800.925
- Chi quỹ trong kỳ	132.282.832	176.401.020
Tồn quỹ cuối kỳ	170.357.148	163.589.980

Quỹ phúc lợi

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Số đầu kỳ	566.518.953	338.775.372
- Tăng do trích lập trong kỳ	469.421.218	497.258.581
- Chi quỹ trong kỳ	535.974.353	269.515.000
Tồn quỹ cuối kỳ	499.965.818	566.518.953

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

Ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị trình bày: VND

16. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn ĐTXDCB	Cộng
Số dư năm trước	30.000.000.000	2.686.889.078	-	57.494.000	32.744.383.078
LN ST năm trước		-	3.382.595.686	-	3.382.595.686
Trích lập quỹ ĐTP		1.014.778.706	(1.014.778.706)	-	-
Trích lập quỹ KT BQL		-	(143.800.925)	-	(143.800.925)
Trích lập quỹ Khen thưởng - PL CBCNV		-	(1.491.775.744)	-	(1.491.775.744)
LN còn lại nộp NS		-	(732.240.311)	-	(732.240.311)
Số dư cuối năm trước	30.000.000.000	3.701.667.784	-	57.494.000	33.759.161.784
Số dư đầu năm nay	30.000.000.000	3.701.667.784	-	57.494.000	33.759.161.784
Lợi nhuận ST năm nay		-	3.477.529.099	-	3.477.529.099
Trích lập quỹ ĐTP		1.043.258.730	(1.043.258.730)	-	-
Trích lập quỹ KT BQL		-	(139.050.000)	-	(139.050.000)
Trích lập quỹ Khen thưởng - PL CBCNV		-	(1.399.263.654)	-	(1.399.263.654)
LN còn lại nộp NS		-	(895.956.715)	-	(895.956.715)
SD CK 31/12/2022	30.000.000.000	4.744.926.514	-	57.494.000	34.802.420.514

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND
- Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau	100,00	30.000.000.000	100,00	30.000.000.000
Cộng	100,00	30.000.000.000	100,00	30.000.000.000

c. Phân phối lợi nhuận**Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 01/01/2022 (1)**

Lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2022 (2) **3.694.647.894**

Điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế TNDN (3) **174.828.276**

- Chi phí không có hóa đơn, chứng từ theo chế độ quy định 174.828.276

Điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế TNDN (4) **-**

Lợi nhuận chịu thuế tại ngày 31/12/2022 (5)=(2)+(3)-(4) **3.869.476.170**

- Lợi nhuận được miễn thuế TNDN 2.783.882.195

- Lợi nhuận chịu thuế TNDN 20% 1.085.593.975

Thuế TNDN **217.118.795**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (6) 217.118.795

Tổng lợi nhuận sau thuế (7)=(1)+(2)-(6) **3.477.529.099**

- Trích lập quỹ đầu tư phát triển 1.043.258.730

- Trích lập quỹ khen thưởng Ban điều hành 139.050.000

- Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi 1.399.263.654

- Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp NSNN 895.956.715

Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31/12/2022 **-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị trình bày: VND

17. Nguồn kinh phí

<i>Khoản mục</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguồn kinh phí sự nghiệp còn lại đầu năm	112.324.311	266.177.216
- <i>Nguồn kinh phí tăng</i>	143.790.506	340.233.975
- <i>Nguồn kinh phí giảm</i>	178.158.540	494.086.880
- Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	77.956.277	112.324.311

18. Nguồn kinh phí hình thành tài sản cố định

<i>Khoản mục</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ đầu năm	159.959.112	159.959.112
- Nguồn kinh phí tăng	-	-
- Nguồn kinh phí giảm	-	-
- Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	159.959.112	159.959.112

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**1. Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

<i>Khoản mục</i>	Năm 2022	Năm 2021
- Doanh thu bán lâm sản	45.291.502.255	44.080.403.751
- Doanh thu bán sản phẩm	590.960.050	524.584.160
+ <i>Doanh thu vuông tôm quốc doanh</i>	590.960.050	505.524.180
+ <i>Doanh thu than đước</i>	-	19.059.980
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	264.462.165	841.504.735
+ <i>Doanh thu thương hiệu tôm sinh thái</i>	264.462.165	226.096.830
+ <i>Doanh thu chăm sóc nuôi dưỡng rừng</i>	-	615.407.905
- Doanh thu hoạt động khác	1.355.520.343	1.201.949.380
+ <i>Doanh thu khoán vuông</i>	1.339.156.707	1.185.585.744
+ <i>Doanh thu cho thuê mặt bằng</i>	16.363.636	16.363.636
Cộng	47.502.444.813	46.648.442.026

2. Giá vốn hàng bán

<i>Khoản mục</i>	Năm 2022	Năm 2021
- Chi phí khai thác lâm sản	38.285.487.458	36.415.917.980
- Chi phí nuôi trồng khai thác thủy sản	322.424.400	738.829.164
- Chi phí sản xuất than đước	-	632.666.563
- Chi phí khác	-	27.299.788
Cộng	38.607.911.858	37.814.713.495

3. Doanh thu hoạt động tài chính

<i>Khoản mục</i>	Năm 2022	Năm 2021
- Lãi tiền gửi	987.322.619	701.988.793
Cộng	987.322.619	701.988.793

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị trình bày: VND

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp*Khoản mục*

	Năm 2022	Năm 2021
- Chi phí nhân viên quản lý	3.809.080.717	3.837.825.894
- Chi phí vật liệu quản lý	1.443.636	7.946.249
- Chi phí đồ dùng văn phòng	461.123.294	417.444.061
- Chi phí khấu hao TSCĐ	61.484.976	81.798.000
- Thuế, phí và lệ phí	532.037.462	755.406.497
- Chi phí dự phòng	-	97.383.667
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	598.492.133	441.525.346
- Chi phí bằng tiền khác	723.545.462	339.694.241
Cộng	6.187.207.680	5.979.023.955

5. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố*Khoản mục*

	Năm 2022	Năm 2021
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	345.310.981	948.657.235
- Chi phí nhân công	8.352.450.102	8.781.271.954
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	581.085.216	631.553.454
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	598.492.133	441.525.346
- Chi khác bằng tiền	19.793.779.748	16.584.944.570
Cộng	29.671.118.180	27.387.952.559

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch các bên có liên quan**

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Chủ tịch Công ty và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị trình bày: VND

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên chủ chốt

	Năm 2022	Năm 2021
Lương, thưởng Ban quản lý	931.635.000	955.078.325
Thù lao Kiểm soát viên	319.815.000	329.130.000
Tổng thu nhập	1.251.450.000	1.284.208.325
Số lượng thành viên chủ chốt (người)	4	4

b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Quan hệ</u>
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Cà Mau	Chủ sở hữu

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty chưa phát sinh giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chỉ tập trung trong địa bàn tỉnh Cà Mau. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

4. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



Nguyễn Cảnh Nguyên
Người lập



Đinh Văn Điền
Kế toán trưởng



Lưu Tấn Hùng
Giám đốc

Lập ngày 20 tháng 03 năm 2023

